

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HS-ST

Ngày: 30 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn và bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Văn T (tên gọi khác: B), sinh năm 1990 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị O; có vợ là Vũ Thị P và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 17/01/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 tháng về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”;

+ Ngày 21/6/2016 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2020 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Chị Vũ Thị P, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Đức H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 09/9/2020, tại khu vực trước cổng ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh B thuộc trục đường ĐT 491 ở thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam. Tổ công tác Công an huyện Lý Nhân phối hợp với Công an xã B kiểm tra hành chính đối với Phạm Văn T, phát hiện thu giữ tại túi quần soóc phía trước, bên trái 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa các tinh thể màu trắng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1) và 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa 14 viên nén tròn, màu hồng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2). T khai là ma túy mua về để sử dụng. Ngoài ra, còn thu giữ của Phạm Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu sirius RC, biển kiểm soát 60F1-58750; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro và số tiền 230.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật của Phạm Văn T tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam thu giữ 01 đăng ký xe mô tô số 113724 mang tên Lê Quang H.

Tại Kết luận giám định số 181/PC09-MT ngày 11/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam, kết luận:

“Mẫu tinh thể màu trắng phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,326g (Không phải ba trăm hai mươi sáu gam) loại: Methamphetamine.

Mẫu viên nén hình trụ tròn màu hồng trong phong bì ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,460g (Một phải bốn trăm sáu mươi gam) loại: Methamphetamine”.

Tại Kết luận giám định số 50/PC09-SKSM ngày 25/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam, kết luận:

“Xe mô tô dán nhãn Sirius RC giám định có:

- Số khung nguyên thủy: RLCS1FC30EY075296

- Số máy nguyên thủy: 1FC3-075304”.

Về nguồn gốc số ma túy Phạm Văn T khai: Khoảng 09 giờ ngày 09/9/2020 một người bạn tên Đ đưa cho T 1.730.000 đồng để T mua ma túy về cùng nhau sử dụng. T cầm tiền Đ đưa rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60F1-587.50 đi đến cột điện gần nhà “*Trung Diên*” ở thôn 6, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. T lấy ở trong lỗ cột điện 02 túi nilon đựng ma túy và đút số tiền

1.500.000 đồng vào lỗ cột điện. Sau đó, T cho hai túi nilon đựng ma túy trên vào túi quần soóc phía trước bên trái rồi điều khiển xe mô tô về xã B để đưa ma túy và số tiền thừa là 230.000 đồng cho Đ. T gọi điện thoại cho Đ nhưng Đ không nghe máy, đúng lúc này T bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKSLN ngày 24/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã truy tố Phạm Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 36 đến 42 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị hướng xử lý vật chứng, án phí vụ án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị O và chị Nguyễn Thị P đều nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận hay khiếu nại gì.

- Bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý nhân đã truy tố; bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa là phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với vật chứng thu được, các kết luận giám định cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Do đó đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 09/9/2020, tại khu vực trước cổng ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh B thuộc trục đường ĐT 491 ở thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam. Phạm Văn T đang cất giấu trong túi quần soóc phía trước, bên trái 02 gói ma túy, tổng khối lượng 1,786 (*Một phẩy bảy trăm tám mươi sáu*) gam, loại Methamphetamine mục

đích để sử dụng thì bị tổ công tác Công an huyện Lý Nhân phối hợp với Công an xã B bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của Phạm Văn T đã phạm vào tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Quan điểm kết tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đối với bị cáo đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm minh, áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như đáp ứng công tác phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng, đặc biệt là tội phạm về ma túy đang diễn ra rất phức tạp trong tình hình hiện nay.

- *Về nhân thân*: Bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xét xử về các tội phạm khác nhau.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân, thể hiện sự ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc yếu tố nhân thân và tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với số tiền 230.000 đồng không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu sirius RC, biển kiểm soát 60F1-58750 cùng đăng ký xe mô tô và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro lần lượt là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị O và chị Vũ Thị P. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bà O và chị P đều không biết việc bị cáo sử dụng những tài sản trên để thực hiện hành vi phạm tội, do đó trả lại những tài sản trên cho bà O và chị P là phù hợp.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[7] Các vấn đề khác: Đối với số ma túy đã thu giữ, Phạm Văn T khai: Đưa tiền cho T để mua ma túy của một người có tên là “*Trung Diên*”. Quá trình điều tra xác định, người tên Đ này là Trần Đức A, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 43, tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam và người có tên “*Trung Diên*” là Nguyễn Bảo T1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Quá trình điều tra, Trần Anh Đ và Nguyễn Bảo T1 đều không thừa nhận hành vi đưa tiền và hành vi bán ma túy cho T; ngoài lời khai duy nhất của T không còn tài liệu nào khác nên không có căn cứ xử lý đối với Trần Đức A và Nguyễn Bảo T1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: B) phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam 09/9/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong dán kín của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam, ghi lần lượt “*mẫu vật hoàn trả A1*” và “*mẫu vật hoàn trả A2*”.

- Trả lại Phạm Văn T số tiền 230.000 (*Hai trăm ba mươi nghìn*) đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án dân sự.

- Trả lại: 01 xe mô tô nhãn hiệu sirius RC, biển kiểm soát 60F1-587.50 và 01 đăng ký xe mô tô (số 113724 mang tên Lê Quang H) cho bà Nguyễn Thị O và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro cho chị Vũ Thị P.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm, tình trạng, số hiệu được ghi trong biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 26/11/2020 và Ủy nhiệm chi lập ngày 27/11/2020 tại kho bạc nhà nước huyện Lý Nhân giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Lý Nhân và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lý Nhân).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại giam CA tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Công an huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Huy